TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Ông Nguyễn Đắc Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 745/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2019/QĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1990; nơi cư trú: 492/38/1 đường 30/4, phường RD, thành phố VT, tỉnh BR - VT (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Đức C, sinh năm 1984; nơi cư trú: 711/16 đường 30/4, phường RD, thành phố VT, tỉnh BR - VT (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Chị và anh Vũ Đức C tự nguyện quen biết, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Rạch Dừa theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157, ngày 18 tháng 10 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chồng nên phát sinh nhiều mâu thuẫn với gia đình chồng. Năm 2014, vợ chồng chị ra ở riêng nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C không cho chị quan hệ bạn bè và có lúc còn đánh chị. Đầu năm 2015 chị và anh C không chung sống cùng nhau, đến cuối năm 2015 chị quay về sống chung cùng anh C để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành vì mâu thuẫn

giữa vợ chồng quá nhiều. Năm 2016, chị cùng con là cháu Vũ Đức Mạnh ra ngoài ở và không sống cùng anh C cho đến nay. Thời gian chị ra ngoài sinh sống anh C không đến thăm con, không quan tâm và không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tình cảm vợ chồng của chị với anh C đã không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Đức C.

Về con chung: Chị và anh C có một con chung tên Vũ Đức Mạnh, sinh ngày 03-02-2011. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạnh và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Đức C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã tiến hành các thủ tục tống đạt đối với bị đơn anh Vũ Đức C theo đúng quy định nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh C là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bùi Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Đức C nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Vũ Đức C có nơi cư trú tại phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Vũ Đức C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 157, ngày 18 tháng 10 năm 2010 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung với gia đình bên chồng nên phát sinh nhiều mâu thuẫn với gia đình chồng. Năm 2014, vợ chồng chị ra ở riêng nhưng vẫn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh C không cho chị quan hệ bạn bè và có lúc đã đánh chị. Chị đã cho anh C cơ hội để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không thành vì mâu thuẫn không thể tháo gỡ. Từ năm 2016, chị cùng con là cháu Vũ Đức Mạnh ra ngoài ở và không sống cùng anh C cho đến nay. Thời gian chị ra ngoài sinh sống anh C cũng không đến thăm con, không quan tâm đến chị và con, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy tình cảm vợ chồng với anh C đã không còn.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi chị L, anh C sinh sống có nội dung: Trong thời gian cư trú tại địa phương chị L, anh C có xảy ra mâu thuẫn. Năm 2016 đến nay chị L cùng cháu Mạnh chuyển đến nơi khác sinh sống. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị L, anh C và việc anh chị đã không còng chung sống với nhau từ năm 2016 là có thật, phù hợp với lời khai của chị L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng và triệu tập anh C đến làm việc nhưng anh C không tham dự cũng như không có ý kiến phản hồi, cho thấy anh C không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của chị L và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, chị L xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với anh C và tại phiên tòa, chị L vẫn giữ nguyên ý kiến, cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị L, anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, có kéo dài quan hệ hôn nhân thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của chị L với anh C là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: Chị L, anh C có một con chung tên Vũ Đức Mạnh, sinh ngày 03-02-2011. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mạnh và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Mạnh hiện đang sống cùng chị L, cháu phát triển bình thường và được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đầy đủ. Nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng của cháu Mạnh và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L về việc chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mạnh.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn với anh Vũ Đức C.

Về con chung, cấp dưỡng: Chị L được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức Mạnh, sinh ngày 03-02-2011; anh Vũ Đức C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Đức C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu L mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0001068 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; Chị L đã nộp xong án phí.

Anh Vũ Đức C không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Bùi Thị L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Anh Vũ Đức C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND P. Rạch Dừa, TP. Vũng Tàu, T. Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Trà My